TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 363/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 7 - 2024
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Điệp.
2. Ông Hà Bửu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 780/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình-Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chác Thị Huỳnh N, sinh năm: 1988 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án, chị Chác Thị Huỳnh N là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh T tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống và không hợp tính tình; kể từ khi nộp đơn khởi kiện cho đến nay, hai bên không còn quan tâm nhau, có hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không đạt kết quả.

Quá trình chung sống chị và anh T có hai người con chung là cháu Huỳnh Ngọc Lan A, sinh ngày 24/01/2010 và cháu Huỳnh Bảo A1, sinh ngày 06/6/2019 do chị chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh T nên cương quyết yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu được quyền nuôi các con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị xác định có thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi con nên tự nguyện rút yêu cầu về cấp dưỡng, chị vẫn đảm bảo quyền thăm con cho anh T.

Về tài sản chung và nợ chung là có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Huỳnh Thanh T là bị đơn:

Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ:

Trưởng ấp T, xã T, huyện G cung cấp thông tin như sau: Ban lãnh đạo Ấp không biết được nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị N và anh T; về điều kiện nuôi con thì chị N và anh T đều có đủ điều kiện nuôi con.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; tiến hành thu thập chứng cứ và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của chị N, đã thực hiện đúng theo quy định; đối với anh T chưa thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị N và anh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp; chị N xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng; hai bên không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, kể từ cuối năm 2023 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị N cương quyết yêu cầu ly hôn; anh T không có ý kiến phản đối. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T.

Về con chung: Chị N xác định có đủ điều kiện nuôi con, các con do chị chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định đảm bảo sự phát triển về mọi mặt và nguyện vọng của cháu Lan A (trên 07 tuổi) muốn sống với chị N. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị N được quyền nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N tự nguyện rút yêu cầu, đề nghị chấp nhận và đình chỉ xét xử.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Chác Thị Huỳnh N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Huỳnh Thanh T đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Huỳnh Thanh T là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T. Tuy nhiên, anh T không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị N giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T1.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Chị N xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2023 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình. Cuối năm 2023, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn và hai bên không còn quan tâm nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó, chị N và anh T1 đều vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị N và anh T1 nhưng không đạt kết quả do anh T1 vắng mặt và chị N cương quyết yêu cầu ly hôn. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng của chị N và anh T1 đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu ly hôn với anh T1 là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị N và anh T1 có hai người con chung là cháu Huỳnh Ngọc Lan A, sinh ngày 24/01/2010 và cháu Huỳnh Bảo A1, sinh ngày 06/6/2019. Đối với yêu cầu nuôi con của chị N thì anh T1 không có ý kiến phản đối. Mặt khác, cháu Lan A (trên 07 tuổi) có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận để chị N được quyền nuôi các con chung.

Anh T1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị N rút yêu cầu về cấp dưỡng, việc

rút yêu cầu là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử, hậu quả của việc đình chỉ yêu cầu đã rút đương sự có quyền khởi kiện lại.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002425 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Chác Thị Huỳnh N được ly hôn với anh Huỳnh Thanh T.

2. Về con chung: Chị Chác Thị Huỳnh N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Ngọc Lan A, sinh ngày 24/01/2010 và cháu Huỳnh Bảo A1, sinh ngày 06/6/2019; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh T1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Đình chỉ xét xử yêu cầu về việc chị N yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi các con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Chác Thị Huỳnh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002425 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Chác Thị Huỳnh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 18/7/2024); anh Huỳnh Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Kiên Giang;
-VKS ND huyện Giồng Riềng;
-THA huyện Giồng Riềng;
-UBND xã (nơi ĐKKH);
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Thanh Phát